

Ngày 15/9/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 248/2025/NĐ-CP Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

Theo đó, Nghị định số 248/2025/NĐ-CP quy định:

1. Mức lương cơ bản

1.1. Mức lương cơ bản của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách được quy định như sau:

BẢNG MỨC LƯƠNG CƠ BẢN

Đơn vị: triệu đồng/tháng

Mức lương cơ bản Chức danh	Nhóm I				Nhóm II		
	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 1	Mức 2	Mức 3
1. Chủ tịch Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch công ty), Chủ tịch Hội đồng quản trị	80	70	62	53	48	42	37
2. Trưởng Ban kiểm soát	66	58	51	44	41	36	31
3. Thành viên Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên	65	57	50	43	40	35	30

1.2. Việc áp dụng các mức lương cơ bản của nhóm I và nhóm II được thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Mức tiền lương tối đa

Mức tiền lương tối đa của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách được xác định trên cơ sở mức lương cơ bản quy định tại Điều 4 Nghị định này và lợi nhuận thực hiện của doanh nghiệp như sau:

2.1. Doanh nghiệp có lợi nhuận và lợi nhuận thực hiện không thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương tối đa bằng 02 lần mức lương cơ bản, nếu lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì thực hiện theo nguyên tắc 1% lợi nhuận vượt so với kế hoạch, được tính thêm 2% mức tiền lương nhưng không quá 20% mức tiền lương tính trên cơ sở 02 lần mức lương cơ bản. Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương tối đa được tính bằng 80% nhân với 02 lần mức lương cơ bản và nhân với tỷ lệ lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch, nhưng không thấp hơn 80% mức lương cơ bản.

2.2. Doanh nghiệp không có lợi nhuận thì mức tiền lương tối đa bằng 70% mức lương cơ bản.

2.3. Doanh nghiệp lỗ hoặc giảm lỗ thì mức tiền lương tối đa được xác định theo quy định sau:

- a) Trường hợp lỗ thì mức tiền lương tối đa bằng 50% mức lương cơ bản;
- b) Trường hợp giảm lỗ (kể cả không có lợi nhuận) thì căn cứ mức độ giảm lỗ so với kế hoạch để xác định mức tiền lương tối đa bằng 80% mức lương cơ bản;
- c) Đối với trường hợp Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách được cơ quan đại diện chủ sở hữu cử thực hiện nhiệm vụ tại doanh nghiệp lỗ do đang thực hiện tái cơ cấu, xử lý tồn tại, lỗ kế hoạch thì mức tiền lương tối đa sau khi xác định theo điểm a hoặc điểm b khoản này, được tính thêm không quá 50% mức tiền lương tối đa đã xác định.

2.4. Doanh nghiệp có lợi nhuận thực hiện cao hơn từ 02 lần trở lên so với chỉ tiêu lợi nhuận tối thiểu theo quy định đối với mức 1 của nhóm I tương ứng với nhóm ngành, lĩnh vực hoạt động tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này (sau đây gọi tắt là lợi nhuận tối thiểu) mà mức tiền lương sau khi tính theo khoản 1 Điều này vẫn thấp hơn mức tiền lương của chức danh tương đương ở các doanh nghiệp cùng ngành, lĩnh vực hoạt động trên thị trường thì mức tiền lương tối đa được xác định theo quy định sau:

- a) Trường hợp lợi nhuận thực hiện không thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương tối đa bằng: 2,5 lần mức lương cơ bản, nếu lợi nhuận thực hiện cao hơn từ 02 lần so với lợi nhuận tối thiểu; 3,0 lần mức lương cơ bản, nếu lợi nhuận thực hiện cao hơn từ 03 lần so với lợi nhuận tối thiểu; 4,0 lần mức lương cơ bản, nếu lợi nhuận thực hiện cao hơn từ 04 lần trở lên so với lợi nhuận tối thiểu;
- b) Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương tối đa được tính bằng 80% nhân với số lần mức lương cơ bản tương ứng với lợi nhuận thực hiện cao hơn so với lợi nhuận tối thiểu quy định tại điểm a khoản này và nhân với tỷ lệ lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch, nhưng không thấp hơn mức lương cơ bản.

2.5. Doanh nghiệp mới thành lập hoặc mới đi vào hoạt động thì mức tiền lương trong năm đầu thành lập hoặc mới đi vào hoạt động tối đa không vượt quá mức lương cơ bản; doanh nghiệp mới thành lập trên cơ sở hợp nhất các doanh nghiệp, nếu mức tiền lương thấp hơn mức tiền lương thực tế cao nhất của các chức danh tương ứng ở doanh nghiệp thành viên trước khi hợp nhất thì được tính bằng mức tiền lương của các chức danh tương ứng đó.

2.6. Doanh nghiệp chỉ có hoạt động thực hiện sản phẩm, dịch vụ công thì được xác định mức tiền lương gắn với chỉ tiêu khối lượng sản phẩm, dịch vụ công theo quy định sau:

- a) Khối lượng sản phẩm, dịch vụ công thực hiện không thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương tối đa bằng 1,5 lần mức lương cơ bản, trong đó đối với doanh nghiệp thực hiện sản phẩm, dịch vụ công giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong

lĩnh vực then chốt, thiết yếu của nền kinh tế quốc dân theo quy định của Chính phủ thì mức tiền lương tối đa bằng 02 lần mức lương cơ bản;

b) Khối lượng sản phẩm, dịch vụ công thực hiện thấp hơn kế hoạch, trong đó phần khối lượng sản phẩm, dịch vụ công thấp hơn kế hoạch này do doanh nghiệp thực hiện chính sách của Nhà nước hoặc bị tác động bởi yếu tố khách quan thì mức tiền lương tối đa bằng 1,5 lần mức lương cơ bản;

c) Khối lượng sản phẩm, dịch vụ công thấp hơn kế hoạch (ngoài trường hợp tại điểm b khoản này) thì mức tiền lương tối đa bằng 80% nhân với 1,5 lần mức lương cơ bản nhân với tỷ lệ giữa khối lượng sản phẩm, dịch vụ công thực hiện và khối lượng sản phẩm, dịch vụ công kế hoạch, nhưng không thấp hơn 50% mức lương cơ bản.

2.7. Doanh nghiệp vừa hoạt động thực hiện sản phẩm, dịch vụ công, vừa hoạt động sản xuất, kinh doanh (ngoài thực hiện sản phẩm, dịch vụ công) thì được lựa chọn xác định mức tiền lương theo hoạt động sản xuất, kinh doanh quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này hoặc theo hoạt động thực hiện sản phẩm, dịch vụ công theo quy định tại khoản 6 Điều này.

2.8. Mức tiền lương của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, người làm công tác cơ yếu khi xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 6 và khoản 7 Điều này không thấp hơn mức tiền lương theo chức vụ, chức danh, cấp hàm, ngạch, bậc, các khoản phụ cấp lương theo quy định của Chính phủ đối với Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, người làm công tác cơ yếu.

3. Mức thù lao tối đa

Mức thù lao tối đa của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách được xác định theo thời gian thực tế làm việc nhưng không được vượt quá 20% mức tiền lương tương ứng của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách.

4. Tạm ứng, chi trả tiền lương, thù lao

Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên được doanh nghiệp tạm ứng, chi trả tiền lương, thù lao theo quy chế hoặc chính sách tiền lương của doanh nghiệp. Trường hợp đã được tạm ứng, chi trả vượt quá mức tiền lương, thù lao theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định này thì Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên phải hoàn trả phần đã tạm ứng, chi trả vượt trước ngày 30 tháng 6 năm sau liền kề.

5. Tiền thưởng

5.1. Tiền thưởng của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên được xác định trong quỹ tiền thưởng trích từ quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định tại Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, quy định của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và quy chế thưởng của doanh nghiệp.

5.2. Tiền thưởng cụ thể hằng năm của từng Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên tối đa không vượt quá số tháng tiền lương của doanh nghiệp được trích để lập quỹ khen thưởng, phúc lợi quy định tại khoản 1 Điều này nhân với tỷ lệ phân bổ giữa quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo quy định hoặc quy chế của doanh nghiệp và nhân với mức tiền lương bình quân thực hiện theo tháng được hưởng tại doanh nghiệp của từng Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên.

Nghị định số 248/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 15/9/2025. Các chế độ quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01/8/2025.

Chi tiết tại: <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=215365> ./.

